

xiǎo mǐ de zhōng guó zhī xíng

小米的中国之行

zhāng lǎo shī

张老师



WELCOME

STARTALK
Start Talking!

Join!



Canvas
Learning Management



▼ 2021 Fall Week 1 10/12-10/13/2021

-  Chinese name bank.png
-  Chinese pinyin insert help.pdf
-  'ni hao' song
-  week 1 - PPT - Tuesday-10:12:2021.pdf
-  week1-family activity-10:12:2021.pdf
-  Week 1 Wednesday StarTalk PPT

Alex Xu	许乐乐	xǔ lè lè
Emma Tiefel	蒂艾玛	dì ài mǎ
Abigail Lyu	吕悦	lǚ yuè
Katie Thai	蔡凯岚	cài kǎi lán
Sanaa Wadhawan	瓦萨娜	wǎ sā nà
Alana Celestin	塞音美	sài yīn měi
Josiah Wheeler	惠福	huì fú
Evan Ong	翁爱文	wēng ài wén
Aideng Hennacy	何艾登	hé ài dēng
Leo Zheng	郑里昂	zhèng lǐ áng
Erin Alistar	李艾伦	lǐ ài lún
Logan Thompson	唐洛根	táng luò gēn
Daniel De Graw	郭丹尼	guō dān ní
an Starr	司吉安	sī jí ān

wǒ jiào

我叫_____。

Zayyan Ahmad	贺家洋	hè jiā yáng
Jason Allen	林杰森	lín jié sēn
Temilolu Apata	泰米洛	tài mǐ luò
Devon Parikh	白德文	bái dé wén
Dylan Parikh	白德兰	bái dé lán
Avery Percival	艾福	ài fú
Jazmine Simms	希茉莉	xī mò lì
Kesso Walker	文凯苏	wén kǎi sū
Taalib Walker	文泰利	wén tài lì
Joshua Ma	马思涵	mǎ sī hán



Students, draw anywhere on this slide!

ān pái

安排

AGENDA

- warm up 热身活动 rè shēn huó dòng
- story learning 故事学习 gù shì xué xí
- practice & game 练习游戏 liàn xí yóu xì
- exit tickets 下课打卡 xià kè dǎ kǎ

Quizlet

warm up 热身活动 rè shēn huó dòng

https://quizlet.com/_ahm1r3?x=1jqt&i=qzww9



5 min

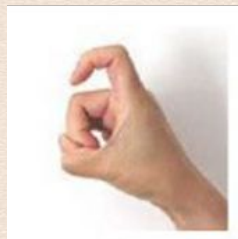
《小米的中国之行》 - after school - 1&2&3

小米

Alex Xu	许乐乐	xǔ lè lè
Ema Tiefel	蒂艾玛	dì ài mǎ
Abigail Lyu	吕悦	lǚ yuè
Katie Thai	蔡凯岚	cài kǎi lán
Sanaa Wadhawan	瓦萨娜	wǎ sā nà
Alana Celestin	塞音美	sài yīn měi
Josiah Wheeler	惠福	huì fú
Evan Ong	翁爱文	wēng ài wén
Aideng Hennacy	何艾登	hé ài dēng
Leo Zheng	郑里昂	zhèng lǐ áng
Erin Alistar	李艾伦	lǐ ài lún
Logan Thompson	唐洛根	táng luò gēn
Daniel De Graw	郭丹尼	guō dān ní
Jillian Starr	司吉安	sī jí ān

Go to www.quizlet.live

Zayyan Ahmad	贺家洋	hè jiā yáng
Jason Allen	林杰森	lín jié sēn
Temilolu Apata	泰米洛	tài mǐ luò
Devon Parikh	白德文	bái dé wén
Dylan Parikh	白德兰	bái dé lán
Avery Percival	艾福	ài fú
Jazmine Simms	希茉莉	xī mò lì
Kesso Walker	文凯苏	wén kǎi sū
Taalib Walker	文泰利	wén tài lì
Joshua Ma	马思涵	mǎ sī hán



yī

èr

sān

sì

wǔ

一

二

三

四

五

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

liù

qī

bā

jiǔ

shí

六

七

八

九

十

The numbers after 十...

 +  = 12
shí èr
十二

13
shí sān
十三 =  + 

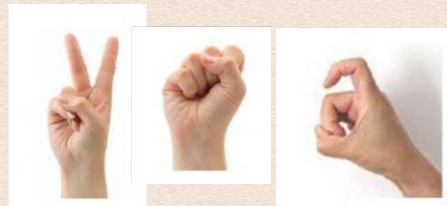
The numbers after 二十...

  20
èr shí
二十



21

• • •



29

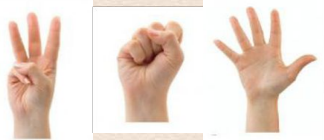
yī	èr	sān	sì	wǔ	6	7	8	9	10
一	二	三	四	五	liù	qī	bā	jiǔ	shí
1	2	3	4	5	六	七	八	九	十

Let's try to write
in Chinese 写一写

yī	èr	sān	sì	wǔ	6	7	8	9	10
一	二	三	四	五	六	七	八	九	十
1	2	3	4	5	liù	qī	bā	jiǔ	shí

35

47



82

99



Students, draw anywhere on this slide!



nǐ jiào shén me míng zì

你叫什么名字？

you

are called

what?

full name



wǒ jiào _____

我叫_____。

I

am called



nǐ jǐ suì

你几岁？

you

how many

age(years old)



wǒ suì

我_____岁。

I

age (years old)



nǐ zhù zài nǎ lǐ

你住在哪里？

Where do you live?



wǒ zhù zài _____

我住在_____。



美国 měi guó



中国 zhōng guó



nǐ shì nǎ guó rén

你是哪国人？

What's your nationality?



wǒ shì _____

我是_____。

美国人 měi guó rén

中国人 zhōng guó rén

STORY

小米的中国之行

你好！我叫小米。

我十岁。



我住在美国。



我是美国人。



story learning 故事学习 gù shì xué xí

STORY

小米的中国之行

今天是二零二一年
十一月二日。



mù biāo

目标

OBJECTIVES

I CAN • • •



I can recognize the year, month and date in Chinese.

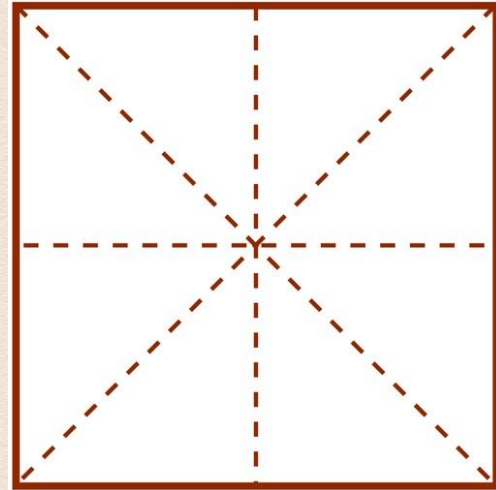
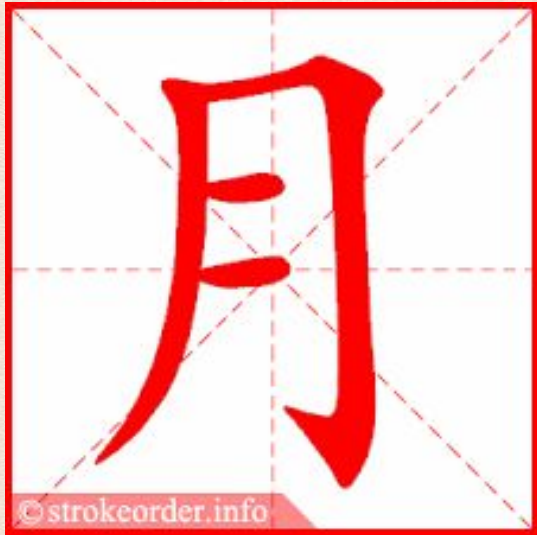
I can say the year, month and date in Chinese.

I can describe the year, month and date on a calendar.

 **Number + 月 (yuè) = the Month** 



yuè



Students, draw anywhere on this slide!

yuè

月

month

一
二
三
四
五
六
七
八
九
十
十一
十二

- | | |
|----|-----------|
| 1 | January |
| 2 | February |
| 3 | March |
| 4 | April |
| 5 | May |
| 6 | June |
| 7 | July |
| 8 | August |
| 9 | September |
| 10 | October |
| 11 | November |
| 12 | December |

Jan. yí yuè 一月	Feb. èr yuè 二月	March sān yuè 三月
April sì yuè 四月	May wǔ yuè 五月	June liù yuè 六月
July qī yuè 七月	Aug. bā yuè 八月	Sep. jiǔ yuè 九月
Oct. shí yuè 十月	Nov. shí yī yuè 十一月	Dec. shí èr yuè 十二月



Jan. yí yuè 一月	Feb. èr yuè 二月	March sān yuè 三月
April sì yuè 四月	May wǔ yuè 五月	June liù yuè 六月
July qī yuè 七月	Aug. bā yuè 八月	Sep. jiǔ yuè 九月
Oct. shí yuè 十月	Nov. shí yī yuè 十一月	Dec. shí èr yuè 十二月

31

dà

大

big

28/29

píng

平

flat

30

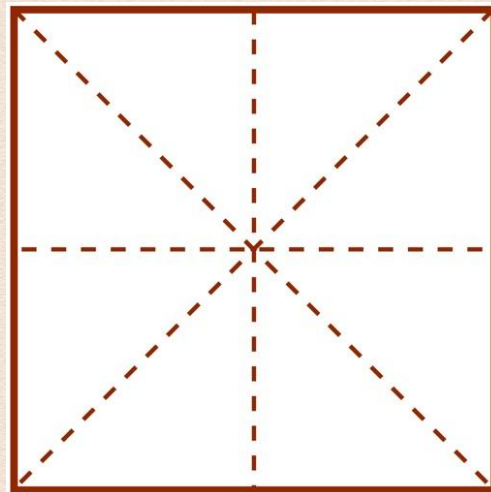
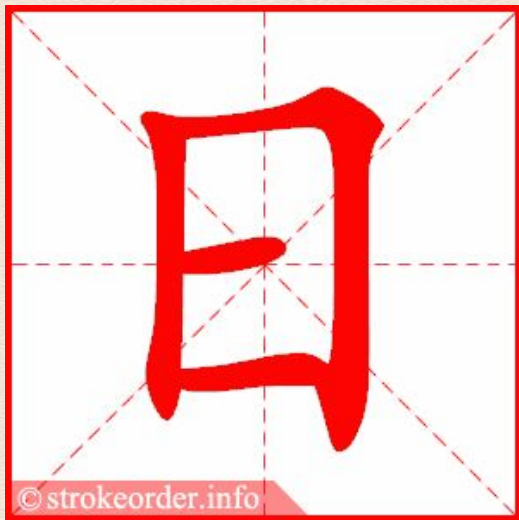
xiǎo

小

small



rì



Students, draw anywhere on this slide!



yuè

rì

11

月

2

日

date, day

month



shí

yī

十

一



èr

二



yuè rì

11 月 2 日

month date, day

shí yī èr

十 一 二

yī	èr	sān	sì	wǔ	6	7	8	9	10
一	二	三	四	五	六	七	八	九	十
1	2	3	4	5	liù	qī	bā	jiǔ	shí

yuè rì

月 日





yuè rì

11 月 **2** 日

month date, day

shí yī èr

十 一 二

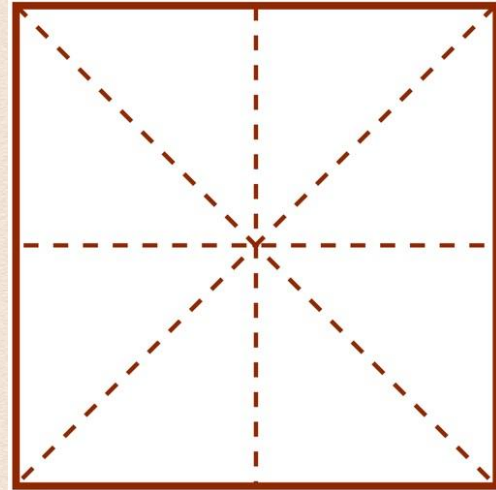
yī	èr	sān	sì	wǔ	6	7	8	9	10
一	二	三	四	五	六	七	八	九	十
1	2	3	4	5	liù	qī	bā	jiǔ	shí

July 30

yuè rì

月 日

nián



Students, draw anywhere on this slide!

2021

èr

二

líng

零

èr

二

yī

一

nián

年

试试看

shì shì kàn



Let's try

2005

2016

nián

年

year

2020

líng

零

0

yī

一

1

èr

二

2

sān

三

3

sì

四

4

wǔ

五

5

6

liù

六

7

qī

七

8

bā

八

9

jiǔ

九

10

shí

十

November 2021						
S	M	T	W	T	F	S
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

Tuesday, Nov 2nd 2021

today

jīn tiān

今天

shì

是

èr

líng

èr

yī

nián

二零二一年

shí

yī

yuè

èr

rì

十一月二日。

November 2021						
S	M	T	W	T	F	S
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30				

Wednesday, Nov 3rd 2021

tomorrow

míng tiān

明天

shì

是

èr

二

líng

零

èr

二

yī

一

nián

年

shí

十

yī

一

yuè

月

sān

三

rì

日。

Quizlet

practice & game 练习游戏 liàn xí yóu xì

https://quizlet.com/_ahkx5v?x=1jq&i=qzww9

《小米的中国之行》 - after school - 4 - year, month&date

IN-CLASS

≡ Live

STUDY

Flashcards

Learn

Write

Spell

Test

Match

Gravity

今天



1/18

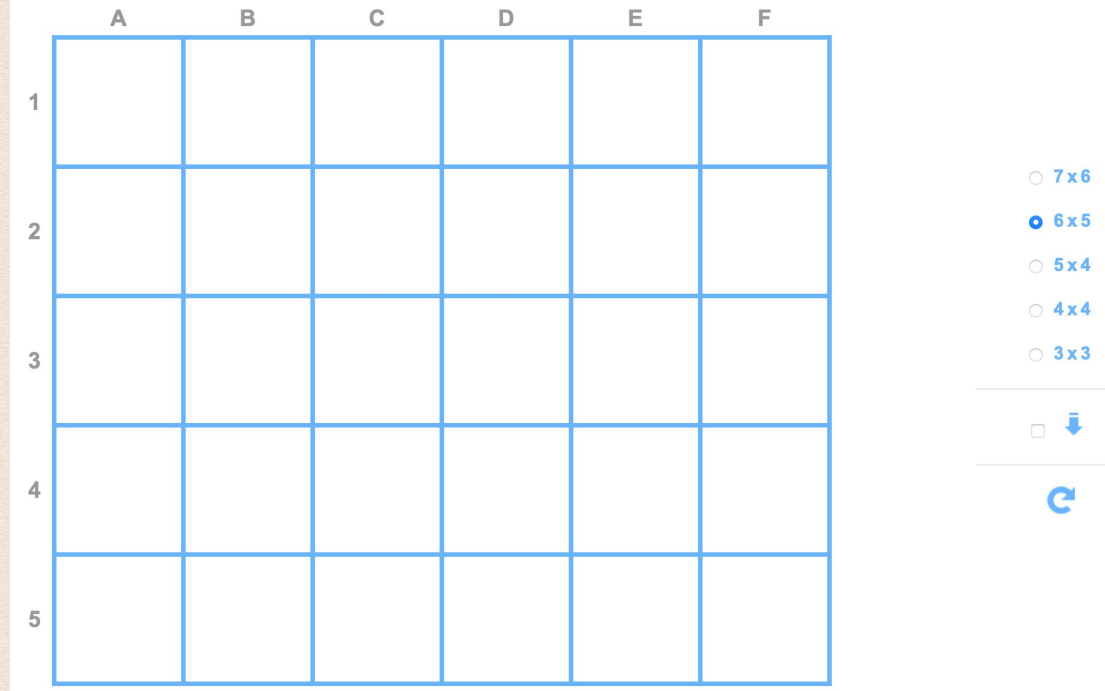


5 min

sì gè yì pái
四个一排



- 2 partners together, 1 person share screen.
- Take turn click space and answer the question.
- Click ✓ to see the answer.



mù biāo

目标

OBJECTIVES

I CAN . . .



I can recognize the year, month and date in Chinese.

I can say the year, month and date in Chinese.

I can describe the year, month and date on a calendar.



Students, drag the icons!



Pear Deck Interactive Slide

Do not remove this bar



zài jiàn

再见

Goodbye